

Số: 490 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tịnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của UBND huyện Sơn Tịnh tại Tờ trình số 1367/TTr-UBND ngày 27/6/2017 và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 999/TTr-SKHĐT ngày 28/6/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tịnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tịnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

1. Phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tịnh một cách năng động và bền vững, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi và sự phát triển mở rộng của thành phố Quảng Ngãi, hài hòa với định hướng phát triển của các huyện trong tỉnh.

2. Phát triển kinh tế dựa trên nguồn lực con người, tăng cường năng lực cạnh tranh các chủ thể kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất, năng suất lao động, thực hiện tái cơ cấu các ngành kinh tế, từng bước chuyển sang mô hình phát triển có hiệu quả cao hơn.

3. Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài, sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên trong. Tận dụng tốt vị thế địa kinh tế, yếu tố thuận lợi về cơ sở hạ tầng, vốn đầu tư để phát triển kinh tế. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để khai thác lợi thế phát triển của từng khu vực trên địa bàn huyện. Chủ động nhận diện, tìm kiếm, nắm bắt cơ hội để phát triển. Vừa kiến thiết để phát triển trong ngắn hạn, vừa hoạch định, đầu tư cho phát triển trong dài hạn.

4. Chủ động định hướng phát triển các hoạt động văn hóa để thúc đẩy tiến bộ xã hội, hình thành lối sống văn minh trong dân cư. Giữ gìn và phát triển các hình thức văn hóa truyền thống tốt đẹp hiện có; hỗ trợ phát triển một số hoạt động văn hóa truyền thống đã có lâu đời ở địa phương để hình thành nét đặc trưng văn hóa của địa phương.

5. Phát triển kinh tế-xã hội đi đôi với bảo vệ môi trường. Từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống trong các khu dân cư cả ở đô thị và nông thôn. Chủ động kiểm soát các hoạt động xả thải, chất thải, đảm bảo chất lượng các thành phần môi trường.

6. Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng huyện Sơn Tịnh trở thành huyện có kinh tế phát triển năng động và bền vững. Duy trì tốc độ tăng trưởng chung hợp lý, thúc đẩy tăng trưởng các ngành sản xuất và dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đảm bảo tốt an ninh trật tự xã hội, quốc phòng, an ninh và chất lượng môi trường trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế:

- Tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2016-2020 đạt bình quân 12,3-12,9%/năm; giai đoạn 2021-2025 phấn đấu tăng trưởng 12,5-13,8%/năm.

- Đến năm 2020, giá trị gia tăng bình quân đầu người đạt 28-31 triệu đồng/năm, giá trị sản xuất (GTSX) bình quân đạt khoảng 62 triệu đồng/người. Đến năm 2025, giá trị gia tăng bình quân đầu người đạt khoảng 54-59 triệu đồng/năm (tương đương 2.400-2.500 USD/năm), GTSX bình quân đầu người khoảng 120-130 triệu đồng/năm (tương đương 4.400-4.800 USD/năm).

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2020, cơ cấu nông lâm thủy sản 23,1%, công nghiệp-xây dựng 60,3%, thương mại-dịch vụ 16,6%. Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế ngành nông lâm thủy sản còn 16,3%, công nghiệp-xây dựng 70,3%, thương mại-dịch vụ 13,4%.

- Thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra hàng năm.
- Giá trị sản xuất tính trên một đơn vị diện tích đất canh tác đạt 63-65 triệu đồng/ha/năm.

b) Mục tiêu xã hội:

- Phần đầu đến năm 2020, có 7/13 trường mầm non, 13/15 trường tiểu học, 11/11 trường THCS đạt chuẩn quốc gia; 11/11 xã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi. Đến năm 2025, 100% trường các cấp học đạt chuẩn quốc gia, tiếp tục đầu tư, nâng cấp để đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Giai đoạn 2016-2020, hàng năm tạo việc làm mới cho 1.500-1.800 lao động, xuất khẩu ít nhất 50 lao động/năm. Chuyển dịch cơ cấu lao động từ ngành nông lâm thủy sản sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Giai đoạn 2021, phần đầu hàng năm tạo việc làm mới cho 2.000-2.500 lao động. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30%, đến năm 2025 đạt 40%

- Đến năm 2020, 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, 100% trạm y tế có bác sĩ, 100% thôn có nhân viên y tế. Giai đoạn 2021-2025, duy trì 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, 100% trạm y tế có bác sĩ, 100% thôn có nhân viên y tế. Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 0,81%/năm trong giai đoạn 2016-2020, khoảng 0,7-0,9%/năm trong giai đoạn 2021-2025.

- Hàng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,6-2%/năm để đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% và đến năm 2025 còn dưới 3,5%.

- Đến năm 2020, phần đầu 93% hộ gia đình, 95% thôn, 98% cơ quan đạt chuẩn văn hóa, 100% xã văn hóa nông thôn mới; hàng năm trùng tu, tôn tạo 2-4 di tích văn hóa. Đến năm 2025, phần đầu trên 95% hộ gia đình 98% thôn, 99% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa, 100% xã đạt xã văn hóa nông thôn mới.

c) Mục tiêu về tài nguyên, môi trường:

- Phần đầu tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đạt 45-50% vào năm 2020, khoảng 60% vào năm 2025.

- Duy trì và giữ vững tỷ lệ che phủ rừng đạt 36% diện tích tự nhiên.

d) Mục tiêu về an ninh, quốc phòng

Đảm bảo chỉ tiêu tuyển quân hàng năm đạt 100% trong giai đoạn 2016-2025. Đến năm 2020, có 75% xã, thị trấn đạt vững mạnh toàn diện về quốc phòng, an ninh, 100% xã đạt vững mạnh. Đến năm 2025, có 80-85% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện về quốc phòng-an ninh, 100% số xã, thị trấn đạt vững mạnh.

3. Các lĩnh vực trọng tâm phát triển

a) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng:

- Tập trung đầu tư Trung tâm chính trị - hành chính huyện để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng trụ sở làm việc các cơ quan huyện. Lập hồ sơ đề nghị thành lập đơn vị hành chính mới thị trấn Sơn Tịnh (mới) trên cơ sở tách một phần diện tích đất của các xã: Tịnh Hà, Tịnh Sơn.

- Đầu tư các trục giao thông chính từ thị trấn Sơn Tịnh mới đến các xã: Tịnh Thọ, Tịnh Bình. Nâng cấp trục giao thông Tây - Đông kết nối thị trấn Sơn Tịnh mới, trung tâm các xã Tịnh Thọ, Tịnh Hà, Tịnh Bình ra QL1A, tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng giao thông để đón đầu sự phát triển của các khu công nghiệp (KCN) đang hình thành.

- Phối hợp với các bên liên quan trong giải phóng mặt bằng phục vụ thi công đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, dự án nâng cấp QL1, QL 24B; hỗ trợ tỉnh trong xây dựng đường ven bờ bắc Sông Trà, nâng cấp tỉnh lộ 622C.

b) Phát triển công nghiệp:

- Phối hợp với Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh, Công ty VSIP trong giải phóng mặt bằng, xúc tiến đầu tư, đưa thông tin tuyển dụng lao động về các xã tạo điều kiện để lao động của huyện tìm được việc làm trong các KCN.

- Đầu tư hạ tầng khung các cụm công nghiệp (CCN) và tổ chức xúc tiến đầu tư thu hút doanh nghiệp vào các CCN đã quy hoạch: giai đoạn 2016-2020 đầu tư hình thành CCN Tịnh Bắc, giai đoạn 2021-2025 tập trung hình thành CCN Tịnh Bình, CCN Tịnh Hà.

- Xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, gồm các nội dung: (1) Quảng bá thông tin xúc tiến đầu tư nhằm thu hút dự án đầu tư vào các CCN; (2) Thực hiện chương trình hỗ trợ các cơ sở sản xuất nhỏ.

- Dựa trên tình hình thu hút đầu tư thực tế, mở rộng hoặc hình thành mới các CCN trong giai đoạn 2021-2025, thu hút thêm dự án phát triển công nghiệp.

c) Phát triển thương mại dịch vụ:

- Quy hoạch phát triển các khu thương mại, dịch vụ tại các trung tâm cụm xã Tịnh Hà, Tịnh Bắc, Tịnh Bình gắn với công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại khu vực trung tâm cụm xã. Sửa chữa, nâng cấp các chợ.

- Sau khi tuyến đường ven bờ Bắc Sông Trà hình thành, quy hoạch đất đai dọc tuyến hình thành khu thương mại - dịch vụ.

d) Phát triển nông nghiệp:

- Giai đoạn 2016-2020 thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, hình thành vùng nông nghiệp trọng điểm: Vùng thâm canh trồng trọt trên địa bàn các xã:

Tịnh Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Thọ; vùng chăn nuôi tập trung trên địa bàn các xã: Tịnh Bình, Tịnh Hiệp, Tịnh Thọ, Tịnh Đông; vùng kinh tế lâm nghiệp trên địa bàn các xã: Tịnh Giang, Tịnh Đông, bắc Tịnh Hiệp, vùng rau phục vụ đô thị dọc sông Trà Khúc tại các xã: Tịnh Hà, Tịnh Sơn.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình kinh tế trang trại, nông - lâm kết hợp, các mô hình liên kết doanh nghiệp - HTX - hộ nông dân, tạo điều kiện cho các mô hình liên kết trong nông nghiệp phát triển. Tích cực nghiên cứu áp dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp với nông nghiệp huyện, xây dựng cơ chế khuyến khích cá nhân, tổ chức tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp, hình thành chuỗi giá trị từ tiêu thụ đến sản xuất nông sản.

d) Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:

- Thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động và các chính sách phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi cơ cấu lao động sang công nghiệp, thương mại dịch vụ, làm việc tại các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Xã hội hóa công tác đào tạo ngắn hạn, tạo điều kiện cho các tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo hoạt động trên địa bàn. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho vay học sinh, sinh viên.

4. Các lãnh thổ trọng điểm

- *Vùng lãnh thổ động lực phía Đông và Đông Nam:* Vùng lãnh thổ động lực này là dải đất nằm dọc quốc lộ 24B, quốc lộ 1A và tỉnh lộ 622C trên địa bàn các xã Tịnh Phong, Tịnh Thọ, Tịnh Hà, Tịnh Sơn, Tịnh Bắc. Tại khu vực này, ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông, hình thành KCN, CCN, hình thành các khu dân cư mới, từng bước đô thị hóa, hình thành khu vực phát triển mới. Phân đấu xây dựng thị trấn huyện lỵ Sơn Tịnh mới đạt tiêu chuẩn đô thị loại V trước năm 2025.

- *Vùng nông nghiệp trọng điểm:* Vùng nông nghiệp trọng điểm được xác định là các khu vực thâm canh nông nghiệp, được ưu tiên đầu tư hạ tầng thủy lợi, hạ tầng giao thông, điện, thoát nước để hình thành các khu vực canh tác tập trung, thâm canh, các khu chăn nuôi tập trung, các trang trại. Vùng nông nghiệp trọng điểm được xác định trên địa bàn các xã: Tịnh Thọ, Tịnh Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Bình và dải đất ven bờ Bắc sông Trà Khúc.

III. Định hướng phát triển đến năm 2025

Đến năm 2025, Sơn Tịnh phát triển bền vững trên cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Kết cấu hạ tầng kết nối theo các trục Bắc - Nam, Đông - Tây, hạ tầng đô thị tương đối đồng bộ, hạ tầng nông thôn đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của dân cư. Thu nhập bình quân đầu người của huyện cao hơn so với trung bình chung của tỉnh.

1. Về kinh tế: Kinh tế huyện phát triển theo hướng bền vững, gia tăng

chất lượng, khai thác lợi thế so sánh theo chiều sâu, hiệu quả, công nghiệp - xây dựng có đóng góp chủ đạo trong cơ cấu kinh tế; các ngành dịch vụ, thương mại khai thác và gắn kết với các lợi thế của địa bàn hấp dẫn đầu tư các ngành công nghiệp. Ngành nông nghiệp hình thành được một số thương hiệu sản phẩm hàng hóa vững chắc, sản phẩm nông nghiệp tạo được đầu ra tương đối ổn định.

2. Về vấn đề xã hội: Mạng lưới y tế, giáo dục hình thành đồng bộ, có chất lượng và không ngừng gia tăng năng lực, chất lượng đáp ứng nhu cầu của người dân. Nhân phẩm con người được bảo vệ, đời sống văn hóa tinh thần được nâng cao, các hoạt động của con người ngày càng theo hướng văn minh. Các di tích lịch sử, hoạt động văn hóa truyền thống được bảo tồn, tôn tạo. Tệ nạn xã hội, tội phạm, tai nạn liên tục được giảm trừ.

3. Về vấn đề môi trường: Môi trường đô thị, môi trường khu dân cư nông thôn cơ bản được đảm bảo sạch. Đến năm 2025, trên địa bàn huyện hệ thống các công trình thu gom rác thải, xử lý chất thải rắn, nước thải công nghiệp được hình thành đồng bộ. Môi trường đất, nước, không khí được đảm bảo.

4. Về kết cấu hạ tầng: Kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện và đô thị trên địa bàn huyện cơ bản hình thành đồng bộ. Hệ thống giao thông cấp huyện được kết nối thuận tiện với hệ thống giao thông cấp tỉnh, cấp quốc gia đi trên địa bàn. Kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước của huyện đã được nâng cấp phục vụ đắc lực cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và nâng cao mức sống dân cư.

Kết cấu hạ tầng Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới được hình thành đồng bộ. Thị trấn Sơn Tịnh mới được hình thành, kết cấu hạ tầng đô thị tương đối đồng bộ cơ bản đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của đô thị loại V. Từng bước nâng cấp Tịnh Bắc theo hướng trở thành đô thị loại V. Khu vực các xã: Tịnh Phong, Tịnh Thọ trở thành khu vực công nghiệp tập trung thu hút được số lượng lớn các dự án công nghiệp, có các khu đô thị với dân cư đông đúc, thương mại dịch vụ phát triển.

IV. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành nông lâm thủy sản giai đoạn 2016-2020 là 3-3,5%/năm, giai đoạn 2021-2025 là 3%/năm. Giá trị sản xuất (giá hiện hành) đến năm 2020 đạt khoảng 1.400-1.450 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt khoảng 2.100-2.200 tỷ đồng.

a) Nông nghiệp

Tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện gắn với sản xuất nông sản hàng hóa, hình thành chuỗi cung ứng nông sản từ vùng nông nghiệp Sơn Tịnh đến các thị trường tiêu thụ, từng bước mở rộng vùng tiêu thụ nông sản hàng hóa, tiến tới xuất khẩu nông sản.

Hình thành một số vùng chuyên canh cây trồng có năng suất cao, chất lượng nông sản đảm bảo. Đến năm 2020, hình thành thêm được ít nhất 30 trang trại chăn nuôi có quy mô phù hợp, có năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị nông sản của vùng.

Mở rộng các loại hình dịch vụ nông nghiệp, đưa tri thức nông nghiệp vào canh tác trồng trọt, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. Từng bước đưa nông nghiệp phát triển theo hướng sạch, áp dụng các bộ tiêu chuẩn nông nghiệp tiên tiến, nông nghiệp công nghệ cao.

Chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, chuyên môn hóa cây trồng vật nuôi phục vụ cho công nghiệp chế biến vừa và nhỏ.

Phát triển mô hình kinh tế trang trại, khuyến khích các chủ trang trại đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ, kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả sản xuất, đồng thời tìm hiểu thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Gắn phát triển nông nghiệp với bảo vệ tài nguyên đất, nước, môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững.

Phấn đấu GTSX ngành nông nghiệp (theo giá hiện hành) đạt khoảng 1.200-1.300 tỷ đồng vào năm 2020, khoảng 1.900-2.000 tỷ đồng vào năm 2025.

(1) Về trồng trọt:

- Cây lúa: Giữ ổn định đến năm 2020 diện tích gieo trồng lúa là 7.520 ha, đồng thời tăng năng suất bình quân để đảm bảo sản lượng thóc đạt trên 43.541 tấn. Sử dụng các giống lúa có thời gian sinh trưởng trung và ngắn ngày, giống lúa xác nhận, áp dụng quy trình canh tác tiên tiến để tăng chất lượng lúa gạo. Tập trung phát triển các vùng trồng lúa chất lượng cao khoảng 200ha. Chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chính sách hỗ trợ dồn điền đổi thửa, chỉnh trang đồng ruộng theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 07/8/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp dự kiến dồn điền đổi thửa ở giai đoạn 2016- 2020 là 2.685 ha.

- Đối với cây ngô: Mở rộng diện tích trồng ngô từ diện tích lúa 1 vụ ổn định. Phấn đấu đến năm 2020, diện tích canh tác ngô đạt 1.150 ha, sản lượng ngô trên 5.808 tấn. Sử dụng giống ngô lai 100%. Mở rộng diện tích trồng ngô trên đất trồng lúa một vụ kém hiệu quả, phát triển ngô vụ đông xuân trên các vùng đất ven sông có lợi thế, tăng diện tích trồng xen.

- Đối với rau các loại: Đến năm 2020, diện tích rau các loại khoảng 1.350 ha, sản lượng khoảng 28,3 nghìn tấn. Xây dựng một số vùng trồng rau tập trung theo hướng sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).

- Cây cỏ phục vụ chăn nuôi: Định hướng đến năm 2020, diện tích đạt 1.570 ha, sản lượng đạt khoảng 39.250 tấn để phục vụ cho chăn nuôi.

- Cây mía: Định hướng đến năm 2020, diện tích cây mía ổn định ở khoảng 250 ha, sản lượng đạt khoảng 15.000 tấn.

- Cây mỳ: Đến năm 2020 diện tích mỳ toàn huyện đạt 2.000 ha, sản lượng khoảng 56.000 tấn. Áp dụng các giải pháp canh tác khoa học để đảm bảo đất không thoái hóa.

- Cây đậu phụng: Định hướng đến năm 2020, diện tích đậu phụng khoảng 1.000 ha, sản lượng khoảng 2.350 tấn. Chuyển đổi cây trồng từ đất sản xuất lúa 1 vụ kém hiệu quả sang đậu phụng.

- Phát triển nghề trồng cây hoa, cây cảnh: Phát triển đa dạng các chủng loại hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao trong giai đoạn 2016-2020. Hình thành vùng trồng hoa, cây cảnh phục vụ thị trường.

(2) Về chăn nuôi:

Xác định sản phẩm hàng hóa chủ lực là đàn bò, trong đó trọng điểm là bò thịt và bò cái sinh sản; phát triển chăn nuôi heo nái ngoại theo hướng gia trại, trang trại. Thực hiện tái cơ cấu chăn nuôi gắn với tái cơ cấu trồng trọt nhằm sử dụng sản phẩm phụ từ cây trồng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Xây dựng vùng chăn nuôi gia súc tập trung ổn định tại khu vực các xã phía Tây. Tiến hành quy hoạch khu vực chăn nuôi bò tập trung tại các xã phía Tây, xây dựng mô hình nông lâm kết hợp. Xây dựng vùng chăn nuôi lợn, vật nuôi tập trung khác trên địa bàn các xã: Tịnh Bình, Tịnh Thọ, Tịnh Sơn, Tịnh Hà. Hỗ trợ vốn đầu tư hình thành các trang trại kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, cá tại các vùng chăn nuôi tập trung có quy mô hợp lý, tách khỏi khu dân cư.

Phân đầu tăng trưởng GTSX ngành chăn nuôi đạt khoảng 5-7%/năm trong giai đoạn 2016 - 2020, khoảng 6-8%/năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Chăn nuôi lợn: Ổn định đầu con, nhưng tăng quy mô đàn lợn cao sản, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, thức ăn, chuồng trại theo hướng chăn nuôi công nghiệp và gia trại. Phát triển đàn heo khoảng 51.000 con theo hướng nạc, tỷ lệ heo lai, heo ngoại hợp lý phù hợp với nhu cầu thị trường. Khuyến khích sản xuất heo giống phục vụ chăn nuôi trên địa bàn huyện.

- Chăn nuôi bò: Tiếp tục thực hiện chương trình cải tạo giống bò thịt, nâng cao chất lượng bò thịt qua các giống bò cao sản. Đến năm 2020, tổng đàn bò khoảng 43.200 con, trong đó bò lai chiếm khoảng 75%, hàng năm phối giống tinh bò thịt 3.000-4.000 con.

- Đối với chăn nuôi gia cầm: Tăng số lượng và sản lượng đàn gia cầm, trong đó tập trung khuyến khích phát triển chăn nuôi gà lông màu thả vườn, thả đồi, vịt nuôi công nghiệp, bán công nghiệp và chăn thả có kiểm soát, chăn nuôi gà theo hướng công nghiệp. Định hướng đến năm 2020, tổng đàn gia cầm khoảng 530.000 con.

- Chăn nuôi các loài vật nuôi khác: Khuyến khích hộ nông dân nuôi thử nghiệm, phát triển các loài, giống vật nuôi khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm

chăn nuôi, mang lại giá trị kinh tế mới. Hỗ trợ hộ nông dân về kỹ thuật chăn nuôi các giống vật nuôi phù hợp với khí hậu địa phương như hươu, dê.

b) Lâm nghiệp: Xây dựng lâm phần theo 3 loại rừng (rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng đặc dụng) đảm bảo chức năng của rừng phòng hộ. Phủ xanh diện tích đất trống đồi núi trọc có khả năng trồng rừng. Diện tích có rừng định hướng đến năm 2020 khoảng 8.700 ha, trong đó rừng trồng 8.615,76 ha. Diện tích trong quy hoạch lâm nghiệp thuộc 03 loại rừng khoảng 5.025 ha (rừng phòng hộ 87,6 ha và rừng sản xuất khoảng 4.937,4 ha). Giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp (theo giá thực tế) phấn đấu tăng dần đạt khoảng 115 tỷ đồng vào năm 2020, đạt khoảng 160 tỷ đồng vào năm 2025.

c) Thủy sản: Phấn đấu GTSX thủy sản trên địa bàn huyện đạt khoảng 3 tỷ đồng vào năm 2020, khoảng 15 tỷ đồng vào năm 2025 (theo giá hiện hành). Hình thành một số cụm nuôi thủy sản ổn định.

d) Nông thôn mới: Đến năm 2020, phấn đấu 11/11 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới. Huyện Sơn Tịnh trở thành huyện nông thôn mới.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng

Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 khoảng 19,4-20%/năm, giai đoạn 2021-2025 khoảng 16,5-18%/năm. Giá trị sản xuất (giá hiện hành) đến năm 2020 đạt khoảng 3.700-3.800 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt khoảng 9.200-9.800 tỷ đồng. Phấn đấu đến năm 2020, toàn huyện có khoảng 2.800 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm cho khoảng 8.000 lao động.

Giai đoạn 2016-2020 hình thành CCN Tịnh Bắc giai đoạn I diện tích 10 ha, phấn đấu tỷ lệ lấp đầy đạt 30% diện tích trước năm 2020, quy hoạch để chuẩn bị hình thành CCN Tịnh Hà diện tích 8 ha, CCN Tịnh Bình tổng diện tích 40 ha. Giai đoạn 2021-2025, hình thành CCN Tịnh Hà giai đoạn I diện tích 5 ha, phấn đấu cuối giai đoạn 2021-2025 hình thành CCN Tịnh Bình, giai đoạn I diện tích 10 ha. Tùy theo nhu cầu đầu tư, mức đăng ký đầu tư vào các CCN để từng bước mở rộng các CCN đã hình thành. Phấn đấu đến hết năm 2025 tỷ lệ lấp đầy CCN Tịnh Bắc đạt >60%, CCN Tịnh Hà >60%, CCN Tịnh Bình >60% tổng diện tích cho thuê.

a) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Phát triển theo hướng có chọn lọc, ưu tiên các dự án công nghiệp chế biến nông lâm sản sử dụng nguyên liệu đầu vào gắn kết với vùng nguyên liệu của huyện, công nghiệp sử dụng nhiều lao động phổ thông, công nghiệp hoạt động trong chuỗi liên kết với hoạt động trong các KCN VSIP, Tịnh Phong, KKT Dung Quất. Phối hợp với tỉnh, Ban Quản lý KKT và các KCN Quảng Ngãi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đầu tư, thu hút đầu tư hình thành các CCN Tịnh Bắc, Tịnh Hà, Tịnh Bình.

Phát triển các cơ sở quy mô vừa và nhỏ chế biến sản phẩm nông, lâm sản sẵn có, các cơ sở quy mô hộ gia đình sản xuất đồ gia dụng như nghề gỗ, nghề

sắt, đóng bàn ghế, tủ, đồ nội thất gia dụng.

b) Ngành xây dựng: Kiên cố hóa nhà ở của dân cư, tăng diện tích nhà ở bình quân đầu người trên địa bàn huyện đạt tối thiểu 17m²/người vào năm 2020, khoảng 20 m²/người vào năm 2025. Từng bước nâng cao chất lượng nhà ở cho người dân trên địa bàn. Phát triển doanh nghiệp hoạt động xây dựng, tăng số doanh nghiệp, lao động hoạt động trong ngành xây dựng. Phân đầu GTSX ngành xây dựng của huyện tăng trưởng ở mức 12-15%/năm trong giai đoạn 2016-2020, 8-12%/năm trong giai đoạn 2021-2025.

3. Thương mại - dịch vụ

Giai đoạn 2016-2020 phân đầu tốc độ tăng trưởng GTSX đạt 7,5-8,5%/năm, giai đoạn 2021-2025 tăng khoảng 6,5-8,5%/năm.

Phát triển hệ thống chợ gắn với tình hình phát triển các khu dân cư tập trung trên địa bàn. Khuyến khích các cơ sở bán lẻ hình thành và phát triển dọc các tuyến phố đã quy hoạch. Kết hợp giữa quy hoạch dành vị trí thuận lợi cho phát triển thương mại và chính sách ưu đãi tín dụng cho thương mại để thu hút đầu tư, hình thành các tuyến, cụm thương mại. Thu hút đầu tư phát triển nhà hàng, dịch vụ tại các địa điểm có cảnh quan đẹp, có di tích lịch sử để phát triển dịch vụ, du lịch dọc tuyến đường ven bờ Bắc sông Trà Khúc.

a) Thương mại: Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và mở rộng 13 chợ, trong đó:

- Giữ nguyên: 03 chợ (chợ Đồng Ké - Tỉnh Giang, chợ Ba Gia - Tỉnh Bắc, chợ Đồng Quán - Tỉnh Trà). Nâng cấp, mở rộng: 02 chợ (chợ Ga - Tỉnh Thọ, chợ Phong Niên - Tỉnh Phong). Xây dựng tại vị trí mới: 01 chợ (chợ Trung tâm - Tỉnh Đông). Xây dựng tại vị trí hiện tại: 07 chợ (chợ Đồng Cỏ - Tỉnh Minh, chợ Than - Tỉnh Hiệp, chợ Phước Lộc, chợ Diên Niên - Tỉnh Sơn, chợ Đình - Tỉnh Bình, chợ Mới - Tỉnh Hà, chợ Thế Lợi - Tỉnh Phong).

- Quy hoạch dành quỹ đất thương mại dịch vụ trên địa bàn thị trấn Sơn Tịnh mới, tại khu vực trung tâm các xã: Tỉnh Bắc, Tỉnh Hà, Tỉnh Sơn trên trục QL 24B, khu vực trung tâm các xã: Tỉnh Thọ, Tỉnh Trà, Tỉnh Hiệp ven trục đường tỉnh 622C kết hợp với xúc tiến đầu tư để hình thành một số khu thương mại tập trung.

b) Dịch vụ: Chủ động lập quy hoạch sử dụng đất, trong đó bố trí đất thương mại-dịch vụ tại các thị tứ, khu vực lân cận KCN, hình thành các khu văn phòng, thu hút các ngân hàng mở chi nhánh cung ứng dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ lưu trú, ăn uống phát triển gắn với nhu cầu phát sinh tại thị trấn, thị tứ, KCN. Rà soát lại quy hoạch giao thông, bố trí bến xe, trạm xăng dầu để phát triển dịch vụ vận tải, hình thành một số khu bến đỗ xe tại vị trí trung tâm các cụm xã để hỗ trợ các tuyến xe khách về đến các xã.

c) Bưu chính, viễn thông: Hỗ trợ các doanh nghiệp cung ứng, kinh doanh dịch vụ bưu điện, điện thoại, dịch vụ internet trên địa bàn, đảm bảo 100% diện tích địa bàn huyện được phủ sóng di động, 100% các thôn tiếp cận được

với internet.

d) Du lịch: Phân đầu số lượt khách du lịch đến Sơn Tịnh trong giai đoạn 2016-2020 đạt 5.000-8.000 lượt/năm, giai đoạn 2021-2025 đạt 8.000-10.000 lượt/năm. Phân đầu tỷ lệ kín phòng của các khách sạn được vào hạng trên địa bàn huyện đạt ít nhất 20% trong cả năm.

Đưa các điểm có tiềm năng trở thành điểm du lịch vào danh mục thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch. Kết nối các điểm du lịch dọc tuyến QL 24B, tuyến QL 1A trên địa bàn Sơn Tịnh và với các điểm du lịch của thành phố Quảng Ngãi và các huyện để hình thành một số tuyến du lịch xuyên suốt nhiều điểm đến. Thu hút doanh nghiệp du lịch tổ chức tour du lịch dọc các tuyến trên, trong đó các điểm du lịch của Sơn Tịnh là các điểm dừng chân tham quan.

4. Giáo dục - đào tạo

a) Giáo dục:

- *Giáo dục mầm non*: Sau năm 2016, phân đầu nâng tỷ lệ các cháu 5 tuổi đi học mầm non lên 95-100%, 60-70% các cháu từ 3-4 tuổi đến trường mẫu giáo. Đồng thời nâng cao kết quả và chất lượng giáo dục mầm non. Phân đầu đến năm 2020 có 7/13 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2025 có 13/13 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- *Giáo dục phổ thông*: Đảm bảo 98% đến 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường, hàng năm huy động 98%-99% trẻ em đi học đúng độ tuổi ở cấp tiểu học. Giữ vững kết quả phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở và phân đầu phổ cập trung học phổ thông trước năm 2025. Đến năm 2020, có 13/15 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, trong đó 3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, có 11/11 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 2 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Đến năm 2025, có 15/15 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, trong đó có ít nhất 5 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, có 11/11 trường trung học cơ sở giữ vững chuẩn quốc gia mức độ 1, phân đầu có ít nhất 3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

b) Đào tạo: Đến năm 2020, phân đầu tỷ lệ lao động đang làm việc trên địa bàn huyện được đào tạo đạt 30%, đến năm 2025 đạt 40%. Hỗ trợ để người lao động hình thành, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động. Hình thành hệ thống trung tâm học tập cộng đồng làm nơi tổ chức học tập nâng cao trình độ cho người có nhu cầu.

5. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Đến năm 2020, thực hiện các giải pháp để đạt được các tỷ lệ cơ bản là 5 bác sỹ/10.000 dân, 0,3 dược sỹ đại học/10.000 dân và 19 giường bệnh/10.000 dân (không kể giường bệnh của trạm y tế xã). Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng hệ thống y tế trên địa bàn huyện, theo đó duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, duy trì 100% trạm xá xã có bác sỹ thường trực.

Giảm tỷ lệ sinh về mức 1,1-1,2%/năm, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3, vận động để đưa tỷ lệ giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái) về mức 110%, giảm tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 8‰ trước năm 2021. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 13%, đảm bảo 99-100% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 7 loại vắc xin, tăng tỷ lệ dân số tham gia đóng bảo hiểm y tế lên trên 80% trước năm 2021. Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch hợp vệ sinh lên trên 90%. Tăng cường thiết bị y tế cho 3 xã miền núi của huyện.

Đến năm 2025, giữ vững các chỉ tiêu y tế đạt được vào năm 2020, đồng thời từng bước nâng chất lượng hệ thống y tế ở cả tuyến huyện và tuyến xã.

6. Văn hoá - thể dục thể thao, thông tin truyền thông

- Văn hoá, thể dục thể thao: Hình thành nếp sống văn minh, ứng xử văn hóa, tiết giảm thói quen, tập quán không có lợi trong đời sống nhân dân. Nâng cao ý thức cho người dân khi tham gia giao thông, hình thành ý thức bảo vệ môi trường trong sạch. Bảo tồn một số di tích lịch sử có tầm quan trọng trên địa bàn. Duy trì, bảo tồn các loại hình văn hóa truyền thống. Phấn đấu 100% số xã đạt xã văn hóa nông thôn mới. Xây dựng phong trào thể dục thể thao ở cấp xã. Xã hội hoá trong lĩnh vực thể thao, thường xuyên tổ chức các giải thể thao quần chúng ở các xã, các thôn.

- Thông tin, truyền thông: Đảm bảo tốt công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường trên địa bàn huyện. Thực hiện các nội dung cải cách hành chính trên nền tảng công nghệ thông tin và truyền thông sẵn có trên địa bàn huyện. Nâng cấp, cải tiến bộ cục, nội dung trang thông tin điện tử chính thức của chính quyền huyện. Nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật Đài phát thanh huyện, nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền, tiếp phát sóng tin bài và các chuyên mục chuyên đề.

7. Nâng cao mức sống dân cư, xóa đói giảm nghèo

Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5% trước năm 2021. Nâng tỷ lệ dân cư có bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện lên ít nhất 70% vào năm 2020, ít nhất 85% vào năm 2025.

Bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức thu nhập tối thiểu để sống, có cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, bao gồm giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin việc làm... nâng cao năng lực tự an sinh của người dân có sự trợ giúp của Nhà nước. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đủ năng lực thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội trên địa bàn huyện, từng bước mở rộng diện bao phủ, có tính chia sẻ giữa nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thế hệ và giữa các thế hệ.

8. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Mạng lưới giao thông

Đến năm 2020, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 828,59 nghìn tấn; vận chuyển hành khách đạt 303,21 nghìn lượt người. Đến năm 2025, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 1.160 nghìn tấn; vận chuyển hành khách đạt 394,17 nghìn lượt người.

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị, doanh nghiệp liên quan phát triển theo phương thức xe buýt công cộng trên các trục giao thông chính qua địa bàn huyện. Quy hoạch, phối hợp với các công ty dịch vụ vận tải hành khách trên địa bàn hình thành một số cụm dịch vụ giao thông hành khách/hàng hóa khép kín, các cụm này bao gồm các dịch vụ tổng hợp trong chuỗi giá trị ngành giao thông bao gồm: trạm xăng dầu, khu dịch vụ sửa chữa xe, bãi đỗ xe, bãi bốc xếp hàng hóa, dịch vụ lưu trú, tạm nghỉ, ăn uống.

b) Mạng lưới cấp điện: Phát triển mạng lưới điện trung và hạ áp, đấu nối điện về hộ, cung cấp điện lưới quốc gia cho các thôn chưa có điện, đáp ứng nhu cầu cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống và dân trí.

c) Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin: Đảm bảo cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật các trung tâm bưu điện xã phục vụ nhu cầu chuyển gửi của người dân. Hình thành hạ tầng viễn thông, mạng, đưa hạ tầng viễn thông, mạng, truyền hình đến từng xã, từng bước tăng tỷ lệ dân cư có khả năng tiếp cận dịch vụ mạng tốc độ cao. Từng bước nâng cao năng lực kỹ thuật hạ tầng viễn thông, mạng, truyền hình, đảm bảo hệ thống đủ năng lực ứng dụng dịch vụ công nghệ thông tin tốc độ cao. Từng bước tăng độ bao phủ của hạ tầng mạng nhằm tạo nền tảng hạ tầng cần thiết để triển khai chính quyền điện tử ở giai đoạn sau.

d) Hệ thống cấp nước, thoát nước, thủy lợi

Hệ thống cấp nước: Hình thành nhà máy nước để cung cấp nước sạch cho dân cư tại các khu vực dự kiến hình thành các đô thị là Tĩnh Hà, Tĩnh Bắc, Tĩnh Phong. Từng bước nâng công suất các nhà máy nước và hình thành các nhà máy nước mới để mở rộng phạm vi cấp nước sạch ra các vùng nông thôn. Hệ thống cấp nước đủ năng lực cung cấp nước sạch cho ít nhất 60% dân cư trên địa bàn 2 xã Tĩnh Hà, Tĩnh Sơn, chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sinh hoạt đô thị. Phần đầu đến năm 2020, có 95% dân số xã Tĩnh Bắc, 90% dân số xã Tĩnh Bình sử dụng nước hợp vệ sinh; ít nhất 85% dân số các xã còn lại sử dụng nước hợp vệ sinh. Huyện phối hợp với đơn vị cung cấp nước tại trạm 10.000m² trên địa bàn phường Trương Quang Trọng để người dân các xã: Tĩnh Phong, Tĩnh Hà, Tĩnh Thọ tiếp cận với nguồn nước sạch của trạm cấp nước này.

Giai đoạn 2021-2025, mở rộng, nâng năng lực hệ thống cấp nước để đảm bảo ít nhất 85% dân cư khu vực các xã: Tĩnh Hà, Tĩnh Sơn được sử dụng nước sạch; phần đầu có trên 95% dân số các xã: Tĩnh Bắc, Tĩnh Phong sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Thoát nước: Xây dựng các công trình thoát nước gắn với quy hoạch chi tiết và xây dựng các khu đô thị, khu dân cư. Xây dựng chương trình thoát nước nông thôn, vận động thôn, cụm dân cư xây dựng hệ thống thoát nước thải nhằm từng bước hình thành hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, chăn nuôi ở khu vực nông thôn

Thủy lợi: Giai đoạn 2016-2025, tiếp tục kiên cố hóa các tuyến kênh phục vụ tưới tiêu cho các vùng sản xuất nông nghiệp của huyện. Hoàn thiện các dự án thủy lợi và nâng cấp hồ, đập chứa nước để nâng cao diện tích tưới. Kiên cố hóa các tuyến kênh có tỷ lệ thất thoát nước lớn, kênh nổi qua vùng đất cát thấm lớn, công trình đầu mối là trạm bơm, hồ chứa, đập dâng. Phát triển khả năng cung cấp nước tưới cho các vùng đất cao, vùng đồi có tiềm năng kinh tế nhưng thiếu nước.

Phấn đấu kiên cố hóa thêm 60km kênh cấp xã, nâng tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa lên 65% vào năm 2020 và lên 67-70% vào năm 2025. Song song với việc xây dựng thêm các tuyến kênh là việc tu bổ, nạo vét và mở rộng các tuyến kênh mương đã có. Phát triển hệ thống tưới tiêu nước cho sản xuất nông-lâm nghiệp ở 3 xã miền núi Tịnh Giang, Tịnh Đông và Tịnh Hiệp.

9. Phát triển không gian lãnh thổ, các tiểu vùng kinh tế - xã hội

a) Tổ chức địa giới hành chính

Hình thành thị trấn Sơn Tịnh mới trên địa bàn xã Tịnh Hà và một phần xã Tịnh Sơn hiện nay. Đưa thị trấn Sơn Tịnh mới trở thành đô thị loại V trước năm 2025. Phần diện tích còn lại của các xã: Tịnh Hà, Tịnh Sơn giữ nguyên là đơn vị hành chính cấp xã. Từ nay đến năm 2020, tích cực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu trung tâm hành chính mới theo hướng đô thị hiện đại. Xây dựng hồ sơ đề nghị nâng cấp thị trấn huyện lỵ Sơn Tịnh (mới) lên đô thị loại V. Đối với 9 xã còn lại giữ nguyên địa giới hành chính.

b) Tổ chức không gian theo các tiểu vùng

(1) Vùng đồng bằng và trung du

Bao gồm các xã Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Trà, Tịnh Bình, Tịnh Sơn, Tịnh Hà, Tịnh Thọ, Tịnh Phong. Vùng này chia làm 2 khu vực:

Khu vực các xã Tịnh Sơn, Tịnh Hà, Tịnh Phong, Tịnh Thọ:

- Tại xã Tịnh Phong: Phát triển KCN - đô thị dịch vụ VSIP, KCN Tịnh Phong, cụm công nghiệp làng nghề, các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp liên kết với KKT Dung Quất và khu cảng Dung Quất. Quy hoạch hình thành các khu dân cư mới dọc tỉnh lộ 622C phía Tây của KCN VSIP trên địa bàn xã Tịnh Phong, Tịnh Thọ, lộ trình mở rộng tương ứng với nhu cầu từ sự phát triển của KCN, KKT.

- Tại các xã: Tịnh Hà, Tịnh Sơn: Hình thành khu Trung tâm hành chính-chính trị của huyện, quy hoạch hình thành khu dân cư mới, khu thương mại

dịch vụ, hình thành cụm công nghiệp Tịnh Hà. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để huyện lỵ Sơn Tịnh mới đạt chuẩn đô thị loại V trong giai đoạn 2021-2025. Phát triển cây xanh đô thị, giảm thiểu và khắc phục hiệu quả những ảnh hưởng tiêu cực của những hoạt động công nghiệp và dịch vụ.

- Các hoạt động nông nghiệp ở khu vực này tập trung vào những mặt hàng có giá trị kinh tế và cảnh quan: rau quả sạch, hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu người dân của huyện và trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi.

Khu vực các xã: Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Trà, Tịnh Bình:

- Phát triển ngành nông nghiệp truyền thống với định hướng tập trung vào những sản phẩm có năng lực cạnh tranh. Phát triển cụm công nghiệp Tịnh Bình, các làng nghề truyền thống, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp.

- Hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, hình thành vùng chuyên canh lúa tại các xã: Tịnh Bình, Tịnh Trà, quy hoạch đất ven các đôi tháp khó canh tác để trồng cây thức ăn chăn nuôi.

- Tập trung đầu tư hạ tầng hình thành thị tứ trung tâm cụm xã tại Ba Gia (Tịnh Bắc) và Bình Bắc (Tịnh Bình), tùy theo tình hình tăng dân số từng thời kỳ quy hoạch mở rộng các điểm dân cư trên địa bàn các thôn.

Dọc theo sông Trà Khúc, trên địa bàn các xã Tịnh Minh, Tịnh Sơn, Tịnh Hà: phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tập trung vào trồng các loại rau, cây cảnh, hoa... Tổ chức quy hoạch để hình thành khu vực thương mại, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí dọc theo tuyến đường ven bờ Bắc sông Trà Khúc.

(2) Vùng miền núi

Bao gồm các 3 xã miền núi Tịnh Giang, Tịnh Đông và Tịnh Hiệp.

- Tập trung lợi thế phát triển kinh tế lâm nghiệp: Phát triển trồng rừng, cây công nghiệp nhằm cung cấp sản phẩm đầu vào cho các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đồ gia dụng. Phát triển các mô hình nông lâm kết hợp, trang trại, gia trại. Hình thành một số khu chăn nuôi gia súc tập trung quy mô vừa ở vị trí thuận tiện để người dân tiện chăm sóc.

- Hình thành vùng chuyên canh lúa tại khu vực thuận lợi tưới của xã Tịnh Hiệp. Kết hợp mô hình trang trại nông - lâm nghiệp với phát triển du lịch sinh thái. Mở rộng, thâm canh khu nguyên liệu chè, cây ăn quả, các loại rau quả có giá trị kinh tế cao.

c) Tổ chức không gian theo đô thị và nông thôn

- Định hướng phát triển đô thị:

Đầu tư hạ tầng để hình thành thị trấn Sơn Tịnh mới tại khu vực xã Tịnh Hà và một phần xã Tịnh Sơn hiện nay, đưa thị trấn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V trong giai đoạn 2021-2025.

Lập quy hoạch xây dựng chi tiết các trung tâm cụm xã Tịnh Bắc, Tịnh

Bình. Đầu tư hạ tầng để từng bước hình thành thị tứ tại xã Tịnh Bắc trong giai đoạn 2021-2025 và thị tứ Tịnh Bình trong giai đoạn tiếp theo.

Từng bước đô thị hóa khu vực các xã: Tịnh Phong, Tịnh Thọ. Tiếp tục thực hiện chính sách kêu gọi, thu hút đầu tư để hình thành KCN mới tại đây. Thực hiện đô thị hóa gắn với sự phát triển của các KCN VSIP, Tịnh Phong, các CCN của huyện trên địa bàn 4 xã Tịnh Hà, Tịnh Sơn, Tịnh Phong, Tịnh Thọ. Sau năm 2020, lập quy hoạch chung xây dựng cho khu vực phía Đông tuyến đường bộ cao tốc thuộc các xã: Tịnh Phong, Tịnh Thọ, Tịnh Hà làm cơ sở để thu hút đầu tư phát triển đô thị, công nghiệp.

- Định hướng phát triển nông thôn:

Khu vực nông thôn được xác định bao gồm các xã: Tịnh Giang, Tịnh Đông, Tịnh Hiệp, Tịnh Trà, Tịnh Bình, Tịnh Bắc, Tịnh Minh. Thực hiện nâng cấp chất lượng cơ sở hạ tầng nông thôn: bê tông hóa đường giao thông nông thôn, từng bước hình thành hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp điện và hạ tầng thông tin hữu tuyến, vô tuyến hoàn chỉnh nhằm nâng cao chất lượng sống cho dân cư nông thôn.

Hình thành cụm phát triển kinh tế nông thôn tại xã Tịnh Bắc và xã Tịnh Bình có vai trò là các trung tâm kinh tế cấp cụm xã. Theo đó: Cụm phát triển kinh tế Tịnh Bắc phục vụ cho các xã: Tịnh Bắc, Tịnh Giang, Tịnh Minh, khu vực phía nam Tịnh Hiệp; Cụm phát triển kinh tế trên tỉnh lộ 622C tại xã Tịnh Bình phục vụ cho dân cư các xã Tịnh Bình, Tịnh Trà, Tịnh Thọ, khu vực phía Bắc xã Tịnh Hiệp. Ưu tiên tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại các cụm phát triển kinh tế này được ở mức độ cao hơn và quy mô lớn hơn các khu vực khác.

10. Bảo vệ môi trường

Phấn đấu giữ sạch môi trường sống tại từng khu cụm dân cư trên địa bàn huyện, đảm bảo ít nhất 45-50% lượng rác thải được thu gom trước năm 2020, và ít nhất ít nhất 60% trước năm 2025. Xử lý bằng phương pháp hợp vệ sinh được ít nhất 30% lượng rác thải thu gom được trước năm 2020 và ít nhất 35% trước năm 2025. Thu gom và xử lý đúng tiêu chuẩn 100% chất thải nguy hại trước năm 2020. Từng bước hình thành các tổ thu gom rác thải tại từng khu dân cư, làng xóm nhằm hình thành hệ thống thu gom chất thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường sống. Từng bước trang bị để nâng cao năng lực phục vụ của hệ thống thu gom chất thải sinh hoạt. Đầu tư hình thành các khu xử lý chất thải.

Nâng và duy trì độ che phủ rừng trên địa bàn huyện lên trên 36%. Hàng năm trồng mới từ 60.000 đến 80.000 cây phân tán. Duy trì hệ thống cây xanh ven trục giao thông, trong các khu dân cư hiện có nhằm cải thiện môi trường sinh thái, cảnh quan và môi trường trong các khu dân cư của huyện.

11. Quốc phòng, an ninh

Giữ ổn định an ninh - chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn, thực hiện tốt

các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chỉ đạo việc chống tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại và thi hành tốt án dân sự trên cơ sở coi trọng việc xây dựng chính quyền cơ sở. Chủ động phòng chống có hiệu quả và làm thất bại âm mưu “Diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

Xây dựng thế trận quốc phòng kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội phải đi đôi với xây dựng các tiềm lực quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác huấn luyện, phòng thủ sẵn sàng chiến đấu. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức của nhân dân về nhiệm vụ an ninh, quốc phòng trong tình hình mới. Xây dựng chăm lo thường xuyên cho lực lượng vũ trang; chú trọng nâng cao chất lượng dân quân tự vệ.

12. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư (Phụ lục đính kèm)

V. Các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư: Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong 5 năm từ 2016 - 2020 (theo giá hiện hành) là khoảng 4.284 tỷ đồng, trung bình mỗi năm cần khoảng 857 tỷ đồng để đáp ứng tốc độ tăng trưởng trung bình 12-13%/năm.

Giai đoạn 2021-2025, để tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng 12,5-13,8%/năm, tổng nhu cầu vốn cho cả giai đoạn này cần khoảng 10.800 tỷ đồng, trung bình mỗi năm cần xấp xỉ 2.100-2.200 tỷ đồng (theo giá hiện hành).

Vốn và huy động vốn đầu tư để thực hiện các dự án đầu tư phát triển, các sản phẩm sản xuất, đảm bảo tăng trưởng kinh tế, cơ cấu hợp lý.

2. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích đầu tư, phát triển thị trường và doanh nghiệp.

- Theo dõi, giám sát hoạt động kinh tế trên địa bàn, dự phòng trước các tình huống để chủ động trong hoạt động quản lý điều hành.

- Huy động nguồn vốn từ quỹ đất thông qua chính sách sử dụng đất, chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp để đầu tư phát triển.

3. Nhóm giải pháp về thu hút, đào tạo nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức. Chú trọng bồi dưỡng cho cán bộ tại các xã có tình hình kinh tế - xã hội thay đổi nhanh như: Tịnh Phong, Tịnh Hà, Tịnh Sơn, Tịnh Bắc, Tịnh Bình. Tổ chức bồi dưỡng cán bộ về quản lý phát triển đô thị hóa.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cung cấp dịch vụ đào tạo nghề hoạt động. Tổ chức tốt các hình thức xúc tiến, hỗ trợ và giới thiệu việc làm.

4. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu giao Trung tâm khuyến nông huyện xây dựng bộ cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của huyện và có lợi trên thị trường. Nghiên cứu giao Trung tâm khuyến nông và các HTX về chuyên giao công nghệ kỹ thuật vào canh tác nông nghiệp, chế biến nông sản.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi. Tổ chức chuyên giao kỹ thuật để xã viên HTX và bà con nông dân tiếp thu kỹ thuật mới ứng dụng vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi.

- Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu sản xuất, sửa chữa, cưa hàng thiết bị nông nghiệp nhằm đưa các công nghệ nông nghiệp tiên tiến vào nông nghiệp, chế biến nông sản.

- Tổ chức hợp tác về khoa học công nghệ.

5. Cải cách hành chính

- Nâng cao nhận thức về cải cách hành chính. Gắn cải cách hành chính với đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới phương thức, lề lối làm việc. Xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu; thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương của Đảng, Nhà nước.

- Đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách hành chính.

6. Liên kết giữa huyện Sơn Tịnh và các huyện khác

- Liên kết trong phát triển kinh tế, xã hội.

- Liên kết trong tổ chức không gian lãnh thổ.

- Liên kết trong quản lý hành chính.

Điều 2. UBND huyện Sơn Tịnh có trách nhiệm:

1. Công bố Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sơn Tịnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt tới các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân, doanh nghiệp trong huyện.

2. Chỉ đạo các ngành và địa phương, đơn vị cụ thể hoá quy hoạch tổng thể bằng các kế hoạch 5 năm và hàng năm, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, các dự án đầu tư... để tổ chức quản lý và điều hành thực hiện quy hoạch đạt hiệu quả.

3. Chỉ đạo các ngành và địa phương, đơn vị triển khai các quy hoạch chi tiết, quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất... phù hợp với các định hướng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được phê duyệt.

4. Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan của tỉnh trong lập, triển khai các quy hoạch, chương trình, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực; đề xuất các

chương trình, dự án đầu tư; ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến địa bàn huyện phù hợp với các định hướng của Quy hoạch tổng thể được phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện quy hoạch, chủ động theo dõi tình hình và có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời các mục tiêu và giải pháp tổ chức thực hiện khi cần thiết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tịnh và các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: PCVP, các Phòng N/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, TH (ldvu254).



Trần Ngọc Căng



(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 13/7/2017
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Các dự án, đề án thực hiện trong giai đoạn 2016-2020:

1. Chương trình phát triển đô thị trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh (mới) giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.
2. Quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn huyện Sơn Tịnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
3. Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2020 trên địa bàn huyện Sơn Tịnh.
4. Đề án xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2015-2020
5. Kế hoạch Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Sơn Tịnh giai đoạn 2015-2020.
6. Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
7. Đề án Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn huyện Sơn Tịnh giai đoạn 2016-2020.
8. Đề án Chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2016-2020 huyện Sơn Tịnh.
9. Đề án Kiên cố hóa kênh mương loại III và kênh mương các công trình thủy lợi nhỏ trên địa bàn huyện Sơn Tịnh giai đoạn 2016-2020.
10. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2016-2020 huyện Sơn Tịnh mới. Mục tiêu của dự án là lập quy hoạch sử dụng đất cho địa bàn huyện Sơn Tịnh mới.
11. Xây dựng mới tuyến trung tâm Tịnh Thọ - VSIP.

II. Các dự án, đề án thực hiện trong giai đoạn 2021-2025:

1. Đề án Xây dựng chính quyền điện tử chính quyền huyện Sơn Tịnh.
2. Lập Quy hoạch xây dựng định hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa các xã Tịnh Phong, Tịnh Thọ, Tịnh Hà, Tịnh Sơn, Tịnh Bắc.
3. Quy hoạch Bảo vệ lưu vực hồ thủy lợi huyện Sơn Tịnh. Mục tiêu của dự án là thành lập khu vực bảo vệ tại lưu vực nước phía trên các hồ thủy lợi trên địa bàn huyện nhằm duy trì mật độ cây xanh, cấm các hoạt động khai thác có nguy cơ gây bồi lắng giảm năng lực tích nước của hồ, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan phục vụ du lịch.

III. Danh mục các công trình thuộc dự án xây dựng khu Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới

STT	Tên dự án	Quy mô (m2)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Kế hoạch				
				2016	2017	2018	2019	Giai đoạn
1	Phòng Giáo dục huyện Sơn Tịnh	5.445	10.000		10.000			
2	Quy hoạch chi tiết các khu vực còn lại của Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	1.786.900	4.200			4.200		
3	Cụm công nghiệp trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới 7,5ha	75.000	175			175		
4	Trạm khuyến nông huyện Sơn Tịnh	2.569	7.000			7.000		
5	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Sơn Tịnh	13.583	25.000			25.000		
6	Đài truyền thanh huyện Sơn Tịnh	4.271	7.000		7.000			
7	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Tịnh	5.101	7.700				7.700	
8	Trung tâm văn hóa huyện Sơn Tịnh-hạng mục nhà văn hóa	30.000	51.700		51.700			
9	Trường Tiểu học thị trấn Sơn Tịnh mới	20.000	19.800		19.800			
10	Trường THCS thị trấn Sơn Tịnh mới	15.171	23.100				23.100	
11	Trường Mầm non thị trấn Sơn Tịnh mới	7.803	22.000				22.000	
12	UBND thị trấn Sơn Tịnh mới	5.000	33.000				33.000	
13	Quảng trường Trung tâm huyện lỵ huyện Sơn Tịnh mới	28.251	50.000		50.000			
14	Trung tâm văn hóa huyện Sơn Tịnh - Hạng mục nhà thi đấu đa năng	50.462	52.800			52.800		

IV. Danh mục các dự án giao thông trên địa bàn huyện

TT	Công trình/ Dự án	Ước tính kinh phí đến 2020 (Triệu đồng)			Nguồn vốn
		Xây dựng mới	Nâng cấp, cải tạo	Duy tu, sửa chữa	
I.	Quốc lộ				
	Cao tốc Bắc Nam	2.821,84			NSTW và BOT
	Quốc lộ 1A	1.802,50			NSTW và BOT
	Quốc lộ 24B		502,62	9,02	NSTW và BOT
	Đường tỉnh ĐT 622C		332,58	16,13	
II.	Đường huyện				
	Ba Gia – An Điền		20,52	1,03	
	Chợ Mới – Chợ Đình – Phước Lộc		24,48	1,22	
	Bình Hiệp – Tịnh Trà		19,39	0,97	
	Trường Xuân - QL 24B – Tịnh Thọ (Bình Hiệp – Tịnh Trà)		21,24	1,06	
	Minh Mỹ (QL24B) – Vĩnh Tuy		13,68	0,68	
	Tịnh Đông (QL24B) – Trà Tân		11,41	0,57	
	Ngân Giang – QL24B – Tịnh Thọ (622C)		11,7	0,59	
	Tịnh Hà – Tịnh Bắc		15,84	0,79	
	Diên Niên – Minh Mỹ		5,94	0,3	
	TT huyện lỵ mới – ĐT 622C – Đồng Lớn (Tịnh Thọ)	18,39			
	Chợ Đình – Tịnh Trà – Bình Chương	11			
	Tịnh Bắc – Chợ Than – QL24C	20,24			
	Tịnh Bình – Xuân Hòa – Tân An (Tịnh Đông)	23,5			
	Tịnh Thọ - KCN VSIP	20			
	Tuyến D7 Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh (mới)	43.046			
III.	Đường đô thị, khu dân cư NT				
	Đường ven bờ Bắc sông Trà	13,44			
	Đường trục xã	68,37	194		
	Đường trục thôn xóm		199		
	Đường ngõ		265		
	Đường trục chính nội đồng		294		
	Đường chuyên dụng KCN		414,58		
IV.	Tổng kinh phí đầu tư, trong đó:	4.779,28	2345,03	32,36	
	- Nguồn TW, ODA, tư nhân và tỉnh đầu tư	4.660,73	962,64	21,75	

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Công trình/ Dự án	Ước tính kinh phí đến 2020 (Triệu đồng)			Nguồn vốn
		Xây dựng mới	Nâng cấp, cải tạo	Duy tu, sửa chữa	
	- Nguồn vốn huyện đầu tư	118,55	426,53	10,61	
	- Nguồn vốn xã đầu tư		349		
	- Huy động vốn trong dân cư		192		